TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TPNĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2021
V/v ly hôn, nuôi con giữa chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Minh Tân.

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên toà***: Ông Trần Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05-5-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 38 đường T C, phường B T, TPNĐ, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà 4/97 đường T C, phường B T, TPNĐ, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc K, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 38 đường T C - phường B T - TPNĐ - tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số 11/21/136 P Đ P, phường P Đ P, TPNĐ, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình đề ngày 05-01-2021, bản tự khai ngày 27-01-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ánh N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Ngọc K có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm rồi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B T, TPNĐ, tỉnh Nam Định vào ngày 08-3-2017 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau, hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng vẫn không

giải quyết được mâu thuẫn. Chị và anh K đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Chị và anh Trần Ngọc K có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Minh K (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-01-2018. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị tự nguyện không yêu cầu anh Trần Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung của vợ chồng*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân TPNĐ đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Ngọc K đến tham gia tố tụng nhưng anh Trần Ngọc K vắng mặt.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện Tổ dân phố nơi anh Trần Ngọc K đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp:

Chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K có đăng ký kết hôn tại UBND phường B T - TPNĐ vào ngày 08 tháng 3 năm 2017. Chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà 38 đường T C - phường B T - TPNĐ - tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, chị N và anh K có sinh sống tại địa chỉ trên nhưng hiện nay chị N và con gái của chị N đã chuyển về nhà mẹ đẻ của chị Nđể ở. Đại diện tổ dân phố đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của chị N và anh K theo quy định của pháp luật.

4. Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 28-01-2021 người viết đơn là anh Trần Ngọc K trình bày: Anh và chị N có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân phường B T. Trong quá trình chung sống đến nay, bản thân anh nhận thấy mình mắc phải những sai lầm nhưng hiện tại anh đang sửa chữa, khắc phục những sai lầm đó. Anh đi làm xa gia đình nên không có nhiều thời gian chăm sóc con cái nhưng anh luôn cố gắng làm tròn trách nhiện của một người cha một cách hết sức có thể. Hàng tháng anh vẫn gửi tiền về cho con và gọi điện thoại để bố con nói chuyện với nhau, chị N lại không chung sức, không động viên anh trong thời gian gặp khó khăn mà lại có những biểu hiện quan hệ không đúng đắn với người đàn ông khác, trái với thuần phong mỹ tục, vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội. Anh và chị N có 01 con chung là Trần Ngọc Minh K (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-01-2018. Anh có nguyện vọng được nuôi con vì hiện tại gia đình anh neo người, chị Nbận công việc, không có nhiều thời gian chăm sóc con và nếu để con ở với chị Nsẽ ảnh hưởng tới tâm lý và sự phát triển sau này của con.

5. *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị Ánh N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; anh Trần Ngọc K không đến Tòa án để giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ánh N. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K; Giao cho chị Phạm Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc Minh K (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-01-2018. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Ánh N không yêu cầu anh Trần Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung: Hai bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Án phí ly hôn sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân TPNĐ nhận định:

[1]. *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ánh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Ngọc K và giải quyết việc nuôi con chung. Bị đơn là anh Trần Ngọc K không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. *Thủ tục tố tụng:*

Anh Trần Ngọc K là bị đơn đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt anh Trần Ngọc K.

[3]. *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B T - TPNĐ vào ngày 08-3-2017. Như vậy hôn nhân giữa chị Nvà anh K là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị Ánh N khai do anh K không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình; anh Trần Ngọc K trình bày anh cũng mắc phải những sai lầm. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ánh N và anh

Trần Ngọc K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc, xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con: Chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K có một con chung tên là Trần Ngọc Minh K (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-01-2018. Chị Nvà anh K đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên anh Trần Ngọc K trình bày hiện anh đi làm xa gia đình nên không có nhiều thời gian chăm sóc con cái. Chị Phạm Thị Ánh N trình bày chị có đủ điều kiện và đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con. Xét hiện tại cháu Trần Ngọc Minh K đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; mặt khác cháu còn nhỏ nên giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

3.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Phạm Thị Ánh N tự nguyện không yêu cầu anh Trần Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung.

3.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Phạm Thị Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí Dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Phạm Thị Ánh N là nguyên đơn nên phải nộp án phí theo qui định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị N đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Ánh N và anh Trần Ngọc K.

2. Về nuôi con:

Giao cháu Trần Ngọc Minh K (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-01-2018 cho chị Phạm Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Ánh N không yêu cầu anh Trần Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Ngọc K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ánh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Ánh N đã nộp tại biên lai số 0003493 ngày 21-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TPNĐ.

4. Chị Phạm Thị Ánh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ;
- Chi cục Thi hành án TPNĐ;
- UBND phường B T, TPNĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh